TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08-4-2026.
"*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Quang Trí.
2. Ông Trần Công Bằng.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Kim Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2026/TLST-HNGĐ ngày 05/01/2026 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/02/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Hồng N, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Số nhà xx, đường Đặng Văn N, Tổ x, Khóm x, phường Mỹ T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Quí N1, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Số xx, đường xx/4, Khóm x, phường Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị N có mặt tại phiên tòa, anh N1 vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Phạm Hồng Nhung trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Hồng N và anh Bùi Quí N1 được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới năm 2018, không có đăng ký kết. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2022, vợ chồng phát sinh phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, vợ chồng không sống chung từ năm 2022 đến nay. Thời gian xa nhau, vợ chồng có hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị N nhận thấy tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Quí N1.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải, anh Bùi Quí Nin trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N1 thống nhất lời trình bày của chị N về thời gian cưới nhau, thời gian chung sống, cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Nay anh N1 đồng ý ly hôn yêu cầu chị N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật về tống đạt văn bản tố tụng, đảm bảo tính khách quan, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trước và tại phiên tòa. Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Phạm Hồng N và anh Bùi Quí N1.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Phạm Hồng N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn. Bị đơn anh Bùi Quí N1 có địa chỉ tại phường Cao L, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố

tụng cho anh Bùi Quí N1 nhưng anh N1 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét quan hệ hôn nhân của chị Phạm Hồng N và anh Bùi Quí N1 được xác lập vào năm 2018, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn của anh chị để cho hay không cho ly hôn mà Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Phạm Hồng N và anh Bùi Quí N1 để làm cơ sở chấm dứt quan hệ chung sống như vợ chồng của anh chị.

[2.2] *Về con chung, tài sản chung, nợ chung:* Chị Phạm Hồng N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; tại phiên hòa giải anh N1 trình bày anh chị không có con chung, tài sản chung và nợ chung; tại phiên tòa anh N1 vắng mặt nên không có ý kiến về con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ như đã phân tích trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Án phí: Chị Phạm Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Phạm Hồng N và anh Bùi Quí N1.

[2] *Về con chung, tài sản chung, nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* Chị Phạm Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0011958 ngày 30/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, như vậy chị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND KV6, ĐT;
- Phòng THADS KV6, ĐT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Trinh